TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số:03/2024/HS-ST Ngày: 09/01/2024	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Ngọc Cư

Ông Nguyễn Như Bình

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Mạc An Chi - Thư ký Toà án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 222/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST - HPT ngày 26/12/2023 đối với bị cáo:

Hoàng Đức M, sinh năm 1998, tại Hà Nội; ĐKTT: Tổ dân phố ĐĐ, phường TP, quận BTL, thành phố HN; Nơi cư trú: Tổ dân phố HLX, phường LM, quận BTL, thành phố HN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Tiến D và bà Nguyễn Thị Ngọc Th; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 446 do Công an quận Tây Hồ lập ngày 29/8/2023 và lý lịch do địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự; Nhân thân có 01 tiền sự: Ngày 29/3/2021, Công an thị xã Sơn Tây xử phạt hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

***Bị hại:* Công ty X**; Địa chỉ: Tầng xx, tòa nhà SC, xx đường LL, phường BN, Quận x, thành phố HCM

+Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim A – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thiên N – Chức vụ: Nhân viên đối ngoại (vắng mặt).

-***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Chị Hoàng Thị Anh Đ, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số xxx Tổ dân phố HN, phường TP, quận BTL, thành phố HN (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 11 năm 2021, Hoàng Đức M làm việc cho Công ty X tại địa điểm kinh doanh của Công ty có địa chỉ tại số xx đường HNT, phường XL, quận TH, thành phố HN (H THX). M được Công ty X giao nhiệm vụ và quyền hạn: Giao, nhận hàng hóa đến cho khách hàng, thu hộ tiền, quản lý tiền thu hộ do khách trả và nộp tiền thu được về công ty trước 19 giờ hàng ngày. Khi mới vào làm, M được Công ty X tổ chức đào tạo và phổ biến các quy định trong việc giao, nhận, thu, nộp tiền hàng như sau: Vào buổi sáng hàng ngày, nhân viên đến kho nhận hàng, nhân viên giao hàng tự lấy máy quét mã hàng để nhận đơn hàng đi giao cho khách hàng. Khi đơn hàng đã giao cho khách hàng, nhận tiền hàng, tiền chuyển phát nhanh (nếu có) từ khách hàng, nhân viên giao hàng phải ấn xác nhận giao hàng thành công trên ứng dụng Shopee Express. Trước 19 giờ hàng ngày, nhân viên giao hàng phải có mặt tại kho của Công ty X để nộp lại tiền đã thu. Trường hợp còn hàng chưa giao hết thì phải quay về kho Công ty để nộp lại hàng. Công ty X đã cấp cho M mã nhân viên (ID) là xxx để M đăng nhập ứng dụng Shopee Express của Công ty và xác nhận việc nhận hàng, giao hàng trên ứng dụng Shopee Express, thu tiền hàng cho Công ty và nộp tiền đã thu về Công ty X.

Ngày 11/01/2023, M đến kho hàng của Công ty X, địa chỉ số xx đường HNT, phường XL, quận TH, thành phố HN để lấy hàng đi giao cho khách. M đã dùng máy quét mã vạch của Công ty X để quét mã nhận 123 đơn hàng do nhân viên điều phối kho hàng là anh Đặng Quốc T (Sinh năm: 2002; HKTT: khu X DQ, TN, PT) giao cho M. Việc giao nhận đơn hàng được xác nhận trên ứng dụng giao hàng nội bộ của Công ty X. M đã giao được 62 (Sáu mươi hai) đơn hàng cho khách và thu hộ Công ty tổng số tiền: 34.517.308 đồng, còn lại 61 đơn hàng chưa giao được cho khách, M nhờ anh Nguyễn Văn B cùng là nhân viên giao hàng của Công ty Shopee tại Chung cư XX mang trả lại Công ty.

Ngày 12/01/2023, Công ty X phát hiện Hoàng Đức M không nộp tiền thu hộ (COD) của 62 đơn hàng được giao vào ngày 11/01/2023 về công ty. M đã tự ý nghỉ việc, không đi làm. Công ty X đã nhiều lần liên hê với M và cho người đến nhà tìm M yêu cầu M hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt nhưng không tìm được. Ngày 22/03/2023, Công ty X làm đơn tố giác Hoàng Đức M và giao nộp chơ Cơ quan điều tra 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV và 01 danh sách 62 đơn hàng bị Hoàng Đức M chiếm đoạt.

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Đức M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. M đã giao thành công 62 đơn hàng cho khách và thu tiền hàng từ khách là: 34.517.308 đồng. M thu tiền hàng từ khách hàng bằng 02 hình thức: Khách hàng trả tiền mặt cho M hoặc khách chuyển khoản tiền hàng vào số tài khoản: xxx của Hoàng Đức M, mở tại ngân hàng Viettinbank. Trong số 62 đơn hàng trên, có 25 đơn hàng M đã giao thành công và đã nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của khách hàng vào tài khoản ngân hàng của M nhưng không nộp về Công ty X là: 19.397.580 đồng. 37 đơn hàng còn lại, M đã giao thành công và thu tiền mặt từ khách hàng là: 15.119.728 đồng nhưng không nộp lại cho Công ty X.

M đã sử dụng số tiền 19.397.580 đồng khách hàng chuyển khoản vào M vào việc chi tiêu cá nhân. Số tiền 15.119.728 đồng thu bằng tiền mặt M khai đã làm rơi trên đường đi từ đoạn Nguyễn Hoàng Tôn ra cầu Thăng Long. Sau khi không nộp tiền hàng thu về Công ty X, M tự ý nghỉ việc, không liên lạc với công ty.

Về dân sự: Ngày 18/09/2023, M đã bồi thường cho Công ty X số tiền 34.517.308 đồng để khắc phục hậu quả, trong đó bao gồm: 26.175.158 đồng do chị gái M là Hoàng Thị Anh Đ chuyển khoản vào tài khoản của Công ty X và 8.342.150 đồng là tiền đặt cọc M đã nộp khi vào làm tại Công ty mà Công ty X đang tạm giữ của M. Công ty X đã nhận lại số tiền trên và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Bản Cáo trạng số 223/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài ra, M khai trong tổng số tiền chị Đ bồi thường cho bị hại có 15.000.000 đồng là tiền của M, số còn lại là của chị Đ.

Chị Đ khai: Trong tổng số 26.175.158 đồng chị chuyển cho Công ty X để bồi thường, có 15.000.000 đồng là tiền của M, số còn lại là tiền của chị Đ. Chị cho M toàn bộ số tiền đó và không yêu cầu M phải trả lại cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự và giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 đến 56 tháng.

Về hình phạt bổ sung và về dân sự: Đề nghị không áp dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình sai, vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an quận Tây Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của bị hại: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị hại đến tham gia phiên tòa nhưng bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy bị hại đã có lời khai đầy đủ, việc họ vắng mặt không ảnh hưởng tời việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự và đề xuất của Kiểm sát viên.

[2] *Về hành vi của bị cáo*: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; Lời khai của bị hại, của người làm chứng; Các sao kê giao dịch tài khoản ngân hàng; Vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hoàng Đức M được Công ty X giao thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn: Hàng ngày, M đến kho hàng, tự lấy máy quét mã hàng để nhận đơn hàng đi giao cho khách hàng, khi đơn hàng đã giao được cho khách hàng thì nhận tiền hàng, tiền chuyển phát nhanh (nếu có) từ khách hàng, sau đó phải ấn xác nhận giao hàng thành công trên ứng dụng Shopee Express, đến cuối ngày nộp lại toàn bộ số tiền đã thu được cho Công ty X trước 19 giờ cùng ngày. Ngày 11/01/2023, tại kho hàng của Công ty X, địa chỉ tại số số xx đường HNT, phường XL, quận TH, thành phố HN, Hoàng Đức M lợi dụng nhiệm vụ và quyền hạn được giao và chiếm đoạt tổng số tiền là 34.517.308 đồng của Công ty X thông qua việc thu tiền từ 62 đơn hàng của Công ty X giao và sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Tham ô tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ đã đưa ra chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động, lại muốn hưởng thành quả lao động của người khác nên đã lợi dụng nhiệm vụ và quyền hạn được giao, cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng trong khung hình phạt mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối chiếu với quy định tại Văn bản hợp nhất (Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ – HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) số 02/VBHN - TANDTC ngày 07/9/2022 về Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự quy định về: Điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện cho cải tạo ngoài xã hội theo hướng dẫn tại Nghị quyết nêu trên. Do đó, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 là thể hiện chính sách pháp luật hình sự nhân đạo của Nhà nước, giúp họ yên tâm cải tạo, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, có 01 tiền sự đã xóa nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*:Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại đã nhận và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] *Về vật chứng:* Không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Hoàng Đức M 25 (hai mươi lăm) tháng tù về tội "Tham ô tài sản" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 50 (năm mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hoàng Đức M cho Ủy ban nhân dân phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Hoàng Đức M phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
- CAQ Tây Hồ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Thi hành án Hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS/VPTA.

Nguyễn Thị Giang